

2025-26青苗第一階段甄選名單

B1

甄選編號	班別	姓名(中文)	姓名(英文)	性別
B1-T001	B1	蔡琦璟	Cai Kei King	m
B1-T002	B1	蔡周旺	Cai Zhou Wang	m
B1-T003	B1	陳思源	Chan Sze Yuen	m
B1-T004	B1	陳彥熹	Chan Yin Hei Clayton	m
B1-T005	B1	鄭永賢	Cheng Wing Yin	m
B1-T006	B1	張浚豪	Cheung Tsun Ho Cyrus	m
B1-T007	B1	張永琛	Cheung Wing Sum	m
B1-T008	B1	程朗軒	Ching Long Hin	m
B1-T009	B1	程柏淳	Ching Pak Shun	m
B1-T010	B1	曹哲	Cho Chit	m
B1-T011	B1	曹迅	Cho Shun	m
B1-T012	B1	蔡柏翹	Choi Pak Kiu	m
B1-T013	B1	莊汶熹	Chong Man Hei Torres	m
B1-T014	B1	周琿桐	Chow Kwai Kong Season	m
B1-T015	B1	周柏麟	Chow Pak Lun	m
B1-T016	B1	朱庭毅	Chu Ting Ngai	m
B1-T017	B1	祝靖	Chuk Caleb	m
B1-T018	B1	鍾希楠	Chung Hei Nam	m
B1-T019	B1	鍾斯朗	Chung Shiron	m
B1-T020	B1	崔君亦	Evan	m
B1-T021	B1	方博文	Fong Pok Man Joris	m
B1-T022	B1	郝凱謙	Kok Hoi Him	m
B1-T023	B1	林晞樂	Lam Hai Nok	m
B1-T024	B1	林家希	Lam Ka Hei Marvin	m
B1-T025	B1	林翊曦	Lam Yik Hei	m
B1-T026	B1	林彥豪	Lam Yin Ho	m
B1-T027	B1	劉鎮陞	Lau Chun Sing Karson	m
B1-T028	B1	李卓軒	Lee Cheuk Hin Mason	m
B1-T029	B1	梁子聰	Leung Tsz Chung	m
B1-T030	B1	李哲朗	Li Chit Long	m

2025-26青苗第一階段甄選名單

B1

甄選編號	班別	姓名(中文)	姓名(英文)	性別
B1-T031	B1	李朗言	Li Long Yin	m
B1-T032	B1	廖崇尊	Liao Sung Chuen	m
B1-T033	B1	林政臣	Lin Zheng Chen	m
B1-T034	B1	盧雋健	Lo Chun Kin Junior	m
B1-T035	B1	馬宏浩	Ma Wang Ho	m
B1-T036	B1	麥竣堯	Mai Hayden	m
B1-T037	B1	繆天朗	Mau Tin Long	m
B1-T038	B1	巫懿	Mo Yi	m
B1-T039	B1	黃泰澳	Newton Taio Huang	m
B1-T040	B1	柯柏賢	O Pak Yin	m
B1-T041	B1	蘇一	So Yat	m
B1-T042	B1	施駿軒	Sze Chun Hin	m
B1-T043	B1	譚東昊	Tam Tung Ho	m
B1-T044	B1	曾文滔	Tsang Man Tao	m
B1-T045	B1	謝洛熙	Tse Lok Hei	m
B1-T046	B1	蔡皓傑	Tsoi Ho Kit	m
B1-T047	B1	鄧子優	Tsz Yau Tang	m
B1-T048	B1	王浩天	Wong Ho Tin	m
B1-T049	B1	黃汶迪	Wong Man Dick	m
B1-T050	B1	黃梓朗	Wong Tsz Long	m
B1-T051	B1	胡承彥	Wu Shing Yin	m
B1-T052	B1	葉晉軒	Yip Chun Hin	m
B1-T053	B1	葉鎮誠	Yip Chun Shing	m
B1-T054	B1	姚皓証	Yiu Clifton Ho Ching	m